

# ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

## (2 tiết)

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hệ thống hoá được kiến thức chương VIII, IX, X.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết bài tập.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng điện tử, bảng phụ.
- Bộ thẻ từ khoá có nam châm hoặc phiếu chứa từ khoá.
- Bảng phụ kẻ sẵn 3 cột.

#### 2. Học sinh

SGK, ôn tập lại kiến thức đã học trong chương.

### III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### Tiết 1

<b>Hoạt động 1: HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC CHƯƠNG VIII, IX, X</b>		
<b>Mục tiêu:</b> Hệ thống hoá được kiến thức chương.		
<b>Tổ chức hoạt động</b>	<b>Hoạt động của HS</b>	<b>Kết quả/sản phẩm học tập</b>
<p>– GV tổ chức chò trôi “tiếp sức”:</p> <p>+ Mỗi nhóm được phát bộ thẻ từ khoá (có gắn nam châm) – Hoặc phiếu chứa bộ từ khoá (phụ lục).</p> <p>+ Trong thời gian 5 – 10 phút, các HS trong nhóm lần lượt gắn các từ khoá vào cột phù hợp. Mỗi lần chỉ có 1 HS trong nhóm lên bảng.</p> <p>+ Em số 1 thực hiện xong thì đến em thứ 2... Cứ như thế cho đến hết thời gian quy định. Bên nào nhanh, nêu được nhiều đơn</p>	<p>– HS tham gia hoạt động nhóm.</p> <p>– Lần lượt từng HS lên dán (ghi) 1 đáp án.</p>	<p>– HS hợp tác, tích cực trong hoạt động nhóm.</p> <p>– HS xác định đúng các từ khoá vào từng chủ đề.</p>



## Phụ lục: HOẠT ĐỘNG 1

**Bảng phụ:**

Chương VIII	Chương IX	Chương X

**Bộ từ khoá:** Lực. Lực tiếp xúc. Lực không tiếp xúc. Tác dụng. Lực đàn hồi. Lực ma sát. Lực cản của môi trường. Lực hấp dẫn. Lực hút, đẩy của nam châm. Biến dạng vật. Thay đổi chuyển động. Biến dạng của lò xo. Thay đổi tốc độ. Đổi hướng. Năng lượng. ĐLBTL. Jun (j). Động năng. Năng lượng nhiệt. Năng lượng điện. Năng lượng âm. Năng lượng ánh sáng. Thế năng hấp dẫn. Năng lượng hoá học. Năng lượng hạt nhân. Năng lượng tái tạo. Năng lượng không tái tạo. Vũ trụ. Ngân Hà. Trái Đất. AU. Hệ mặt trời. 300.000 km/s.

### CÁC CÂU HỎI RUNG CHUÔNG VÀNG

- Vật chất di truyền của một virus là
  - ARN và ADN.
  - ARN và gai glycoprotein.
  - ADN hoặc gai glycoprotein.
  - ADN hoặc ARN.

*Đáp án: D.*
- Virus gây ra nhiều bệnh nguy hiểm cho con người, nhóm các bệnh nào dưới đây do virus gây ra?
  - Viêm gan B, AIDS, sởi.
  - Tả, sởi, viêm gan A.
  - Quai bị, lao phổi, viêm gan B.
  - Viêm não Nhật Bản, thủy đậu, viêm da.

*Đáp án: A.*
- Biện pháp nào hữu hiệu nhất để phòng bệnh do virus?
  - Có chế độ dinh dưỡng tốt, bảo vệ môi trường sinh thái cân bằng và trong sạch.
  - Chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng, tập thể dục, sinh hoạt điều độ.
  - Đeo khẩu trang khi đi ra ngoài.
  - Sử dụng vaccine vào thời điểm phù hợp.

*Đáp án: D.*
- Vaccine được tạo ra từ chính những mầm bệnh (vi khuẩn hoặc virus) đã chết hoặc làm suy yếu, có tác dụng phòng ngừa nhiều bệnh lây nhiễm. Để đạt hiệu quả phòng bệnh cao, thời điểm tiêm vaccine thích hợp nhất là khi nào?

- A. Khi cơ thể có dấu hiệu bị bệnh.
- B. Khi cơ thể khoẻ mạnh.
- C. Trước khi bị bệnh và cơ thể đang khoẻ mạnh.
- D. Sau khi khỏi bệnh.

*Đáp án: C.*

5. Tại sao các bác sĩ đề nghị mọi người nên tiêm vaccine ngừa cúm mỗi năm?
- A. Virus nhân lên nhanh chóng theo thời gian.
  - B. Virus cúm có nhiều chủng thay đổi theo các năm.
  - C. Vaccine được cơ thể hấp thụ sau một năm.
  - D. Vaccine ngày càng mạnh hơn theo thời gian.

*Đáp án: B.*

6. Nội dung nào dưới đây là đúng khi nói về nguyên sinh vật?
- A. Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.
  - B. Nguyên sinh vật là nhóm động vật đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.
  - C. Hầu hết nguyên sinh vật là cơ thể đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi. Một số có cấu tạo đa bào, kích thước lớn, có thể nhìn thấy bằng mắt thường.
  - D. Hầu hết nguyên sinh vật là cơ thể đa bào, nhân thực, kích thước lớn, có thể nhìn thấy rất rõ bằng mắt thường.

*Đáp án: C.*

7. Để tiến hành quan sát nguyên sinh vật cần chuẩn bị những dụng cụ, thiết bị gì?
- A. Kính hiển vi, lam kính, lamên, ống nhỏ giọt, giấy thấm, cốc thuỷ tinh.
  - B. Kính hiển vi, lam kính, kim mũi mác, ống nhỏ giọt, giấy thấm,
  - C. Kính lúp, kẹp, panh, lam kính, ống nhỏ giọt, giấy thấm.
  - D. Kính hiển vi, lam kính, lamên, dao mổ, ống nhỏ giọt, giấy thấm.

*Đáp án: A.*

8. Cho các bước tiến hành quan sát nguyên sinh vật như sau:

- 1) Đặt lam kính lên bàn kính của kính hiển vi và quan sát sơ bộ ở vật kính 10x để xác định những vị trí có nhiều nguyên sinh vật.
- 2) Dùng ống nhỏ giọt hút mẫu vật trong cốc thuỷ tinh rồi nhỏ 1 – 2 giọt lên lam kính, đẩy lamên lại. Sử dụng giấy thấm để thấm nước thừa trên lam kính.
- 3) Chuyển mẫu vật vào cốc thuỷ tinh.
- 4) Chuyển sang vật kính 40x để quan sát chi tiết hình dạng, cấu tạo, cách di chuyển của nguyên sinh vật.

Trình tự đúng của các bước là

A. 1– 2– 3– 4.

B. 1– 3– 2– 4.

C. 3– 2– 1– 4.

D. 2– 3– 4– 1.

*Đáp án: C.*

9. Trong số các tác hại sau, tác hại nào không phải do nấm gây ra?

A. Gây bệnh nấm da ở động vật.

B. Làm hư hỏng thực phẩm, đồ dùng.

C. Gây bệnh viêm gan B ở người.

D. Gây ngộ độc thực phẩm ở người.

*Đáp án: C.*

10. Khẳng định nào dưới đây đúng khi nói về cấu tạo của nấm?

A. Phần sợi nấm là cơ quan sinh sản.

B. Phần sợi nấm là cơ quan sinh dưỡng.

C. Phần mũ nấm là cơ quan sinh dưỡng.

D. Phần mũ nấm vừa là cơ quan sinh sản vừa là cơ quan sinh dưỡng

*Đáp án: B.*

11. Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là:

A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.

B. Cây nhãn, cây hoa li, cây bèo tấm, cây vạn tuế.

C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.

D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây rau muống.

*Đáp án: C.*

12. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách?

A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO<sub>2</sub>.

B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO<sub>2</sub> và O<sub>2</sub>.

C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O<sub>2</sub>.

D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO<sub>2</sub>.

*Đáp án: B.*

13. Đặc điểm nào sau đây không phải đặc điểm của rêu?

A. Rễ giả là những sợi nhỏ.

B. Thân, lá có mạch dẫn.

C. Cơ quan sinh sản nằm ở ngọn cây.

D. Sinh sản bằng bào tử.

*Đáp án: B.*

14. Sự đa dạng của động vật được thể hiện rõ nhất ở:

- A. Cấu tạo cơ thể và số lượng loài.
- B. Số lượng loài và môi trường sống.
- C. Môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.
- D. Hình thức dinh dưỡng và hình thức di chuyển.

*Đáp án: B.*

15. Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là?

- A. Hình thái đa dạng.
- B. Có xương sống.
- C. Kích thước cơ thể lớn.
- D. Sống lâu.

*Đáp án: B.*

16. Tập hợp các loài nào dưới đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

- A. Tôm, muỗi, lợn, cừu.
- B. Bò, châu chấu, sư tử, voi.
- C. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ.
- D. Gấu, mèo, dê, cá heo.

*Đáp án: D.*

17. Vợt bắt bướm được dùng để bắt các loài động vật nào?

- A. Bướm, ong, giun đất.
- B. Kiến, cào cào, chuồn chuồn,
- C. Bướm, cào cào, châu chấu.
- D. Châu chấu, tôm đồng, chim sâu.

*Đáp án: C.*

18. Một em bé thả một quả bóng cao su xuống sàn nhà. Khi quả bóng chạm sàn nhà thì lực của sàn nhà tác dụng lên quả bóng

- A. Chỉ làm cho quả bóng biến đổi chuyển động.
- B. Chỉ làm cho quả bóng biến dạng.
- C. Vừa làm cho quả bóng biến dạng, vừa làm cho quả bóng biến đổi chuyển động.
- D. Không làm quả bóng biến dạng cũng không làm biến đổi chuyển động của quả bóng.

*Đáp án: C.*

19. Biến dạng của vật nào dưới đây không phải là biến dạng đàn hồi?
- A. Lò xo trong chiếc bút bi bị nén lại.                      B. Dây cao su được kéo căng ra.  
C. Que nhôm bị uốn cong.    D. Quả bóng cao su đập vào tường.

*Đáp án: C.*

20. Hiện tượng nào sau đây là kết quả tác dụng của lực hút của Trái Đất?
- A. Quả bưởi rụng trên cây xuống.  
B. Hai nam châm hút nhau.  
C. Đẩy chiếc tủ gỗ chuyển động trên sàn nhà.  
D. Căng buồm để thuyền có thể chạy trên mặt nước.

*Đáp án: A.*

21. Một vận động viên võ thuật có khối lượng 82 kg. Trọng lượng của người đó là
- A. 8,2N.    B. 82N.  
C. 820N.    D. 8200N

*Đáp án: C.*

22. Trường hợp nào sau đây, ma sát là có hại?
- A. Đi trên sàn đá hoa mới lau dễ bị ngã.  
B. Xe ô tô bị lầy trong cát.  
C. Giày đi mãi, đế bị mòn.  
D. Bôi nhựa thông vào dây cung ở cần kéo nhị.

*Đáp án: C.*

23. Vì sao đi lại trên bờ thì dễ dàng còn đi lại dưới nước thì khó hơn?
- A. Vì nước chuyển động còn không khí không chuyển động.  
B. Vì khi xuống nước, chúng ta "nặng" hơn.  
C. Vì nước có lực cản còn không khí thì không có lực cản.  
D. Vì lực cản của nước lớn hơn lực cản của không khí.

*Đáp án: D.*

24. Dụng cụ nào sau đây khi hoạt động biến đổi phần lớn điện năng mà nó nhận vào thành nhiệt năng?
- A. Điện thoại.    B. Máy hút bụi.  
C. Máy sấy tóc.    D. Máy vi tính.

*Đáp án: C.*

25. Dạng năng lượng nào cần thiết để nước đá tan thành nước?

A. Năng lượng ánh sáng.

B. Năng lượng âm thanh.

C. Năng lượng hoá học.

D. Năng lượng nhiệt.

Đáp án: D.

26. Hoá năng lưu trữ trong que diêm, khi cọ xát với vỏ bao diêm, được chuyển hoá hoàn toàn thành:

A. Nhiệt năng.

B. Quang năng.

C. Điện năng.

D. Nhiệt năng và quang năng.

Đáp án: D.

27. Năng lượng của nước chứa trong hồ của đập thuỷ điện là:

A. Thế năng.

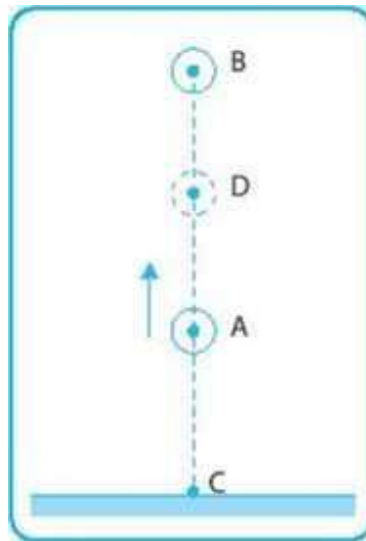
B. Nhiệt năng.

C. Điện năng.

D. Động năng và thế năng.

Đáp án: A.

28. Từ điểm A một vật được ném lên theo phương thẳng đứng. Vật lên đến vị trí cao nhất B rồi rơi xuống đến điểm C trên mặt đất. Gọi D là điểm bất kì trên đoạn AB (Hình dưới). Chọn phát biểu đúng.



A. Động năng của vật tại A là lớn nhất.

B. Thế năng của vật tại B là lớn nhất.

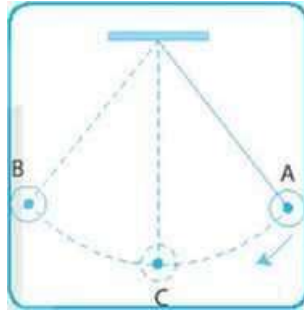
C. Động năng của vật tại D là lớn nhất.

D. Thế năng của vật tại C là lớn nhất.

Đáp án: B.

29. Kéo con lắc lên tới vị trí A rồi buông nhẹ (như hình dưới). Bỏ qua ma sát của không khí. Tìm phát biểu sai:





- A. Khi chuyển động từ A đến C, động năng của con lắc tăng dần, thế năng giảm dần.
- B. Khi chuyển động từ C đến B, thế năng của con lắc tăng dần, động năng giảm dần.
- C. Động năng của vật tại C lớn hơn tại A.
- D. Thế năng của vật tại C là lớn nhất.

*Đáp án: D.*

- 30.** Khi một chiếc tủ lạnh đang hoạt động thì trường hợp nào dưới đây không phải là năng lượng hao phí?
- A. Làm nóng động cơ của tủ lạnh.
  - B. Tiếng ồn phát ra từ tủ lạnh.
  - C. Làm lạnh thức ăn đưa vào tủ khi còn quá nóng.
  - D. Duy trì nhiệt độ ổn định trong tủ lạnh để bảo quản thức ăn.

*Đáp án: D.*

- 31.** Hoạt động nào dưới đây giúp tiết kiệm năng lượng trong gia đình?
- A. Ra khỏi phòng quá 10 phút không tắt điện.
  - B. Bật tất cả các bóng đèn trong phòng khi ngồi ở bàn học.
  - C. Bật bình nóng lạnh thật lâu trước khi tắm.
  - D. Dùng ánh sáng tự nhiên và không bật đèn khi ngồi học cạnh cửa sổ.

*Đáp án: D.*

- 32.** Nguồn năng lượng nào dưới đây là nguồn năng lượng tái tạo?
- |          |                  |
|----------|------------------|
| A. Than. | B. Khí tự nhiên. |
| C. Gió.  | D. Dầu.          |

*Đáp án: C.*

- 33.** Nguồn năng lượng nào dưới đây là nguồn năng lượng không tái tạo?
- |              |          |
|--------------|----------|
| A. Mặt Trời. | B. Nước. |
| C. Gió.      | D. Dầu.  |

*Đáp án: C.*

34. Cách sử dụng đèn thấp sáng nào dưới đây không tiết kiệm điện năng?

- A. Bật đèn cả khi phòng có đủ ánh sáng tự nhiên chiếu vào.
- B. Tắt đèn khi ra khỏi phòng quá 15 phút.
- C. Dùng bóng đèn compact thay cho bóng đèn dây tóc.
- D. Chỉ bật bóng đèn đủ sáng gần nơi sử dụng.

*Đáp án: A.*

35. Biện pháp nào dưới đây **không** giúp tiết kiệm năng lượng trong gia đình?

- A. Không đậy nắp nồi khi nấu thức ăn.
- B. Tắt bếp sớm hơn vài phút khi luộc một số món ăn.
- C. Đổ nước vừa đủ khi luộc thực phẩm.
- D. Dùng ấm siêu tốc thay cho ấm thường để đun nước.

*Đáp án: A.*

36. Mặt Trời mọc ở hướng Đông vào buổi sáng và lặn ở hướng Tây vào buổi chiều vì:

- A. Trái Đất quay quanh trục của nó theo chiều từ Tây sang Đông.
- B. Trái Đất quay quanh trục của nó theo chiều từ Đông sang Tây.
- C. Mặt Trời chuyển động quanh Trái Đất.
- D. Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.

*Đáp án: A.*

37. Ban đêm nhìn thấy Mặt Trăng vì:

- A. Mặt Trăng phát ra ánh sáng.
- B. Mặt Trăng phản chiếu ánh sáng mặt trời.
- C. Mặt Trăng là một ngôi sao.
- D. Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất.

*Đáp án: B.*

38. Các hành tinh quay quanh Mặt Trời sắp xếp theo khoảng cách đến Mặt Trời từ gần đến xa là:

- A. Hoả tinh, Thuỷ tinh, Trái Đất, Kim tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, Hải Vương tinh, Thiên Vương tinh.
- B. Thuỷ tinh, Kim tinh, Hoả tinh, Trái Đất, Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên Vương tinh, Hải Vương tinh.
- C. Kim tinh, Thuỷ tinh, Trái Đất, Hoả tinh, Thổ tinh, Mộc tinh, Thiên Vương tinh, Hải Vương tinh.

D. Thủy tinh, Kim tinh, Trái Đất, Hỏa tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên Vương tinh, Hải Vương tinh.

*Đáp án: D.*

**39.** Câu nào dưới đây là đúng?

A. Ngân Hà là một chùm sao sắp xếp kéo dài trên bầu trời.

B. Ngân Hà là một "dòng sông" sao trên bầu trời.

C. Ngân Hà là một tập hợp hàng trăm tỉ thiên thể liên kết với nhau bằng lực hấp dẫn.

D. Ngân Hà là một tập hợp hàng trăm tỉ ngôi sao và nằm ở ngoài hệ Mặt Trời.

*Đáp án: C.*